

Tôn giáo, Tổ quốc và nền tảng văn hóa của khối đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên mới

Religion, the Fatherland, and the cultural foundation of the great national unity bloc in the new era

TS. VŨ TRƯỜNG GIANG

Học viện Chính trị Khu vực I; Email: giangnhanhoc@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 2/1/2026

Ngày phản biện: 20/3/2026

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị.

Tóm tắt: Tôn giáo là lĩnh vực niềm tin mang tính đa dạng, gắn với đời sống tinh thần cá nhân và cộng đồng, trong khi Tổ quốc là giá trị thiêng liêng, thống nhất, đại diện cho chủ quyền quốc gia và lợi ích tối thượng của dân tộc. Trên nền tảng văn hóa - lịch sử Việt Nam, sự đa dạng tôn giáo không đối lập mà bổ sung cho tinh thần yêu nước, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bài viết phân tích vai trò của tôn giáo và ý thức Tổ quốc như những thành tố quan trọng của nền tảng văn hóa, làm nên sức mạnh tinh thần và khơi dậy khát vọng phát triển dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình. Qua đó, bài viết khẳng định yêu cầu đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo, tăng cường đoàn kết tôn giáo - dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh mới.

Từ khóa: tôn giáo; Tổ quốc; nền tảng văn hóa; đại đoàn kết toàn dân tộc; kỷ nguyên mới.

Abstract: Religion is a sphere of diverse beliefs associated with the spiritual life of individuals and communities, while the Fatherland is a sacred and unified value representing national sovereignty and the supreme interests of the nation. On the foundation of Vietnamese cultural and historical traditions, religious diversity does not oppose but rather complements patriotism, thereby contributing to strengthening the great national unity bloc. The article analyzes the role of religion and national consciousness as important components of the cultural foundation that create spiritual strength and inspire aspirations for national development in the era of national rise. Accordingly, the article affirms the requirement to place national interests above all else, promote the positive values of religion, and strengthen religious and national solidarity in order to firmly build and defend the Vietnamese Fatherland in the new context.

Keywords: religion; Fatherland; cultural foundation; great national unity bloc; new era.

1. Đặt vấn đề

Tôn giáo là lĩnh vực niềm tin mang tính đa dạng, gắn với đời sống tinh thần của cá nhân và cộng đồng; trong khi đó, Tổ quốc là giá trị thiêng liêng, thống nhất và đại diện cho chủ quyền quốc gia, lợi ích tối thượng của dân tộc. Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, đa tín ngưỡng, nơi các tôn giáo cùng tồn tại, dung hợp và gắn bó với tiến trình lịch sử - văn hóa của dân tộc, góp phần hình thành những giá trị đạo đức, nhân văn và tinh thần cộng đồng.

Bên cạnh sự đa dạng ấy, ý thức Tổ quốc luôn là điểm quy tụ cao nhất của đời sống tinh thần và văn hóa - chính trị của người Việt Nam. Dù khác biệt về tín ngưỡng hay tôn giáo, mọi người dân đều chung một cội nguồn, một quốc gia, cùng chia sẻ trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính sự thống nhất về ý thức Tổ quốc đã tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ý thức ấy định hướng hành động, gắn kết cộng đồng, khơi dậy lòng yêu nước, củng cố niềm tin xã hội, tạo sức

mạnh bền cho sự nghiệp chung.

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, yêu cầu khơi dậy khát vọng phát triển dân tộc, củng cố sức mạnh nội sinh và tăng cường đồng thuận xã hội đặt ra ngày càng cấp thiết. Việc nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa tôn giáo và Tổ quốc, phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nền tảng văn hóa, tinh thần cho sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa các quan điểm của Đảng, Nhà nước về tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia; đồng thời kế thừa các công trình nghiên cứu liên quan đến văn hóa, tín ngưỡng và phát triển đất nước. Phương pháp lịch sử - logic được vận dụng nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển và vai trò của các tôn giáo trong đời sống văn hóa Việt Nam gắn với truyền thống yêu nước và ý thức dân tộc. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu và phân tích thực tiễn để đánh giá những vấn đề đặt ra trong thời kỳ hội nhập, từ đó đề xuất định hướng phát huy giá trị tích cực của tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đa dạng của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam: “bàn thờ tôn giáo thì có nhiều”

Việt Nam có sự đa dạng tôn giáo do nhiều yếu tố: Lịch sử lâu dài và giao lưu văn hóa: quá trình giao lưu với các nền văn hóa lớn như Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây... đã góp phần du nhập và hình thành nhiều tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, và các tôn giáo nội sinh như Cao Đài, Hòa Hảo, cùng nhiều loại hình tín ngưỡng trong đời sống của người dân... Sự hòa nhập và dung hợp văn hóa: Người Việt có truyền thống hòa nhập các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau thay vì đối kháng... Đặc điểm dân tộc và địa lý: Việt Nam có 54 tộc người, mỗi tộc người lại có những tín ngưỡng, tôn giáo riêng. Vị trí địa lý nằm ở ngã ba của các nền văn minh lớn cũng góp phần làm phong phú đời sống tôn giáo.

Hệ giá trị tôn giáo ở Việt Nam gồm nhiều nội dung tích cực: Giáo lý đạo đức: Dạy con người sống thiện, yêu thương, khoan dung, trung thực, khiêm nhường, vị tha... Niềm tin tâm linh: Góp phần giúp

con người vượt qua khó khăn, khổ đau, sống có mục tiêu và lý tưởng. Lối sống hướng thiện: Khuyến khích lối sống từ bi, hòa ái, tránh bạo lực và ích kỷ. Gắn bó cộng đồng: Tôn giáo thường tổ chức các hoạt động từ thiện, văn hóa, giáo dục... giúp kết nối cộng đồng. Giá trị nhân văn và tinh thần: Góp phần hình thành nhân cách, đạo đức cá nhân và giá trị xã hội.

Tôn giáo đóng vai trò lớn trong việc hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam: Văn hóa vật thể: Nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng mang dấu ấn tôn giáo như chùa Một Cột, chùa Thiên Mụ, nhà thờ Đức Bà, các thánh thất Cao Đài,... Văn hóa phi vật thể: Lễ hội, nghi lễ, văn học dân gian, ca dao tục ngữ, các hình thức nghệ thuật truyền thống (chèo, tuồng, cải lương...) chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng tôn giáo. Đạo đức xã hội: Các nguyên tắc luân lý như “hiếu thảo”, “nhân - lễ - nghĩa - trí - tín” xuất phát từ Nho giáo, Phật giáo và được xã hội Việt Nam tôn trọng. Từ thiện xã hội: Các tổ chức tôn giáo thường xuyên tham gia cứu trợ, chăm sóc người nghèo, người bệnh, người khuyết tật...

Hiện nay, ngoài xu hướng hành đạo đồng hành cùng dân tộc, thuần túy tôn giáo, tuân thủ pháp luật cũng đã xuất hiện các hoạt động tôn giáo không bình thường, vi phạm một số quy định của Nhà nước về hoạt động tôn giáo. Trong đó đáng chú ý là hoạt động truyền đạo trái pháp luật; xây dựng, mở mang, coi nơi thờ tự; thành lập hội đoàn trái phép có chiều hướng gia tăng; đặc biệt, các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam nhằm làm mất ổn định từ bên trong, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn xác định chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, vừa đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, vừa đấu tranh chống kẻ địch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng (Vũ Trường Giang, 2021).

Quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề tôn giáo là: i) Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. ii) Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. iii) Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. iv) Công tác

tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. v) Vấn đề theo đạo và truyền đạo: Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003).

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

3.2. Chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc là quan trọng nhất: “bàn thờ Tổ quốc chỉ có một”

Chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc là những yếu tố quan trọng nhất, được coi là tối thượng và thiêng liêng, cần được bảo vệ và giữ gìn. Trong quan hệ quốc tế, chủ quyền quốc gia được xem là nền tảng của các quốc gia và là yếu tố quyết định trong việc duy trì độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ, là yếu tố cốt lõi đảm bảo sự tồn tại, phát triển và ổn định của một quốc gia. Độc lập, tự chủ: Chủ quyền quốc gia là nền tảng để một dân tộc tự quyết định vận mệnh của mình, không bị lệ thuộc vào nước ngoài. Bảo vệ an ninh, lãnh thổ: Duy trì chủ quyền giúp ngăn chặn sự can thiệp, xâm lược từ bên ngoài, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Phát triển bền vững: Lợi ích dân tộc gắn liền với sự thịnh vượng của đất nước, đảm bảo quyền lợi về kinh tế, văn hóa, xã hội cho nhân dân. Giữ gìn bản sắc dân tộc: Bảo vệ chủ quyền và lợi ích dân tộc giúp duy trì nền văn hóa, truyền thống, giá trị độc đáo của quốc gia trước xu hướng toàn cầu hóa. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cần củng cố sức mạnh nội lực: phát triển kinh tế độc lập, tự chủ, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng hệ thống quốc phòng - an ninh vững mạnh, hiện đại để bảo vệ

chủ quyền lãnh thổ; giáo dục lòng yêu nước, ý thức dân tộc cho thế hệ trẻ. Chủ động hội nhập quốc tế một cách thông minh: Tham gia các tổ chức quốc tế (ASEAN, WTO, Liên Hợp Quốc...) để tranh thủ nguồn lực phát triển, đồng thời kiên định lập trường dân tộc; đàm phán, hợp tác trên nguyên tắc “hợp tác cùng có lợi”, không đánh đổi chủ quyền; tận dụng luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia (ví dụ: giải quyết tranh chấp Biển Đông bằng biện pháp hòa bình). Bảo vệ an ninh mềm và văn hóa dân tộc: Kiểm soát thông tin, ngăn chặn các âm mưu “diễn biến hòa bình” trên không gian mạng; quảng bá văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam ra thế giới để tăng ảnh hưởng. Đoàn kết toàn dân tộc: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội trong bảo vệ chủ quyền; lắng nghe ý kiến nhân dân, giải quyết mâu thuẫn nội bộ để tránh bị lợi dụng từ bên ngoài.

Lợi ích và chủ quyền quốc gia, dân tộc là nền tảng cốt lõi, là yếu tố sống còn bảo đảm sự tồn vong và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu là thể hiện tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân và tôn trọng lịch sử, văn hóa của dân tộc. Trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động, xung đột lợi ích giữa các quốc gia ngày càng phức tạp, việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia, độc lập tự chủ về chính trị - kinh tế - văn hóa là điều kiện tiên quyết để đất nước không bị lệ thuộc, mất phương hướng phát triển. Đặc biệt đối với Việt Nam - một dân tộc đã trải qua nhiều cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập - bài học từ lịch sử cho thấy: mỗi khi chủ quyền bị xâm phạm, đất nước rơi vào cảnh chiến tranh, chia cắt, đói nghèo, chậm phát triển. Do đó, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết không chỉ là vấn đề lý tưởng mà còn là một yêu cầu thực tiễn cấp bách, nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững hòa bình, ổn định và phát triển lâu dài. Chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cần kết hợp giữa củng cố nội lực và chủ động hội nhập để vừa phát triển, vừa giữ vững độc lập tự chủ.

3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc, đại đoàn kết tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một giá trị truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh to lớn làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn

kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Lời dạy ấy thể hiện sâu sắc vai trò chiến lược của tinh thần đoàn kết trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử, dù trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ hay thời bình phát triển, tinh thần đại đoàn kết luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là nền tảng gắn kết các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo cùng hướng về mục tiêu chung: độc lập dân tộc, thống nhất, hòa bình và phồn vinh của Tổ quốc.

Trong các cuộc kháng chiến cứu nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy tối đa, quy tụ mọi lực lượng, không phân biệt dân tộc, giai cấp hay tín ngưỡng. Chính nhờ tinh thần “toàn dân đánh giặc” ấy, dân tộc ta đã chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền thiêng liêng của đất nước. Bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, tinh thần đại đoàn kết tiếp tục trở thành động lực mạnh mẽ để phát huy mọi nguồn lực trong xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, đại đoàn kết càng có ý nghĩa chiến lược. Đoàn kết giúp đất nước củng cố nội lực, tăng cường bản lĩnh dân tộc, vượt qua các thách thức từ bên ngoài, nhất là âm mưu chia rẽ, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì thế không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân Việt Nam. Mỗi công dân, không phân biệt nguồn gốc, tôn giáo hay dân tộc, đều có trách nhiệm góp phần giữ gìn và củng cố khối đoàn kết ấy, coi đó là bổn phận thiêng liêng đối với Tổ quốc.

Đại đoàn kết dân tộc là nền tảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đại đoàn kết tôn giáo là một bộ phận hữu cơ, không thể tách rời trong khối đoàn kết toàn dân. Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, đa tín ngưỡng, nơi các tôn giáo cùng tồn tại hòa bình, hướng thiện và gắn bó với dân tộc. Nếu không thực hiện tốt chính sách đoàn kết tôn giáo, sẽ dễ nảy sinh chia rẽ, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá. Ngược lại, nếu biết phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo, có thể biến niềm tin tôn giáo thành sức mạnh tinh thần, đạo đức, góp phần củng cố khối đại đoàn kết, tăng cường đồng thuận xã hội, thúc

đẩy phát triển bền vững. “Lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023).

3.4. Khát vọng phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu (Tô Lâm, 2024).

Thứ nhất, kỷ nguyên vươn mình để đạt được sự phát triển vượt bậc, tạo ra sự thay đổi tích cực về kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân.

Thứ hai, kỷ nguyên vươn mình giúp Việt Nam trở thành quốc gia mạnh mẽ, có sức cạnh tranh cao trên trường quốc tế, khẳng định vị thế và tầm quan trọng của mình.

Thứ ba, kỷ nguyên vươn mình là sự tiếp nối và phát triển của quá trình đổi mới, hướng tới mục tiêu chung là xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ tư, kỷ nguyên vươn mình đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững của quốc gia, tạo động lực cho sự đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học công nghệ.

Thứ năm, kỷ nguyên vươn mình là biểu hiện của khát vọng vươn lên, tự cường, tự lực, tự tin, thể hiện ý chí và sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Để đất nước phát triển bền vững trong kỷ nguyên hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, phát triển kinh tế bền vững, nâng cao nội lực quốc gia: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng kinh tế xanh, kinh tế số, tập trung vào các ngành công nghệ cao (AI, blockchain, năng lượng tái tạo). Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng IoT, tự động hóa để nâng cao năng suất, đảm

bảo an ninh lương thực. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực chiến lược (năng lượng, công nghệ, y tế). Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, chuyển giao tri thức.

Hai là, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững: Chuyển đổi sang năng lượng sạch (gió, mặt trời, hydro) để giảm phát thải carbon, đáp ứng cam kết quốc tế. Áp dụng kinh tế tuần hoàn, tái chế chất thải, giảm rác thải nhựa, thúc đẩy sản xuất xanh. Bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi rừng, chống suy thoái đất và ô nhiễm nguồn nước. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, khuyến khích lối sống xanh.

Ba là, củng cố quốc phòng - an ninh trong bối cảnh mới: Hiện đại hóa quân đội, phát triển công nghiệp quốc phòng tự chủ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ không gian vào an ninh mạng, giám sát biên giới. Tăng cường an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu quốc gia, chống lại các cuộc tấn công mạng và chiến tranh thông tin. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển đảo thông qua luật pháp quốc tế và ngoại giao đa phương. Kết hợp kinh tế với quốc phòng (phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền, xây dựng doanh nghiệp quốc phòng).

Bốn là, phát triển xã hội công bằng, văn minh: Đầu tư vào giáo dục - đào tạo chất lượng cao, đặc biệt là STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học) để tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Hoàn thiện hệ thống y tế, phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo công bằng xã hội. Bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, chống lại sự xâm lăng văn hóa từ toàn cầu hóa. Ứng dụng công nghệ vào quản lý xã hội (chính phủ số, đô thị thông minh) để nâng cao hiệu quả quản trị.

Năm là, đẩy mạnh hội nhập quốc tế có chiến lược: Chủ động tham gia các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, RCEP) để mở rộng thị trường, nhưng phải bảo vệ lợi ích quốc gia. Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong các vấn đề chiến lược.

4. Kết luận

“Bàn thờ tôn giáo ở Việt Nam có nhiều”: Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo và tín ngưỡng.

Người dân thờ cúng theo Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, Cao Đài, Hòa Hảo..., và nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian. Nhưng “bàn thờ Tổ quốc chỉ có một”: Dù khác nhau về tín ngưỡng và tôn giáo, tất cả người Việt đều chung một lòng hướng về Tổ quốc. “Bàn thờ Tổ quốc” là biểu tượng cho lòng trung thành, sự biết ơn và tôn vinh những người đã hy sinh vì đất nước, đặc biệt là các anh hùng liệt sĩ, và sự thiêng liêng của quốc gia, dân tộc. Đó là sự khẳng định rằng lòng yêu nước là điểm chung, thiêng liêng và cao cả nhất, vượt lên trên mọi sự khác biệt về tôn giáo hay tín ngưỡng. Đây cũng là một thông điệp thường được nhấn mạnh trong các dịp tưởng niệm, giáo dục lòng yêu nước, hoặc trong các bối cảnh đề cao tinh thần đoàn kết dân tộc.

Việc đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và khơi dậy khát vọng phát triển là những trụ cột nền tảng trong chiến lược phát triển đất nước hiện nay. Chỉ khi tất cả các tầng lớp nhân dân đồng lòng, có trách nhiệm, hành động thiết thực vì lợi ích chung, thì Việt Nam mới có thể vững vàng vươn mình trong kỷ nguyên mới, sánh vai cùng các cường quốc năm châu như chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong ước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2003). “*Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa IX*”. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 48 - 51.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*”. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.1, tr.171.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2023). “*Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*”. số 43 - NQ/TW, Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023.
- GS, TS. Tô Lâm (2024). “*Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”, trên trang https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie. Truy cập ngày 01/11/2024.
- Vũ Trường Giang (2021). “*Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới trong chiến lược phát triển bền vững của đất nước*”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 323 (5/2021), tr.13.